TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/**2022/HNGĐ- ST
Ngày 28/3/2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thể

2. Ông Hoàng Thanh Nghệ

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1987.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Ngọc T đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc T vào ngày 02/12/2003. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới vợ chồng chị về làm ăn và chung sống tại thôn T, xã Q, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/4/2006; Nguyễn Việt H, sinh ngày 03/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 08/12/2019. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, còn cháu T và cháu H chị muốn giao cả hai cháu cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2022 và biên bản hòa giải anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị D như chị D trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh xác định vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2021. Nguyên nhân do anh có vài lần uống rượu say nên xảy ra sự việc vợ chồng đánh chửi nhau. Quan điểm của anh là tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Thuận xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/4/2006; Nguyễn Việt H, sinh ngày 03/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 08/12/2019. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và cháu H. Còn cháu L anh nhất trí giao cho chị D nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D, xử cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T. Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/4/2006 và cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 03/8/2007 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị D và anh T đều xác định không có nên không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Ngọc T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn T, xã Q, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị D, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị D và anh T xác định: Chị D và anh T kết hôn vào năm 2003. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn T, xã Q, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2021 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn đánh chửi nhau. Chính quyền địa phương cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Bản thân chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị D là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Qúa trình giải quyết ly hôn chị Lê Thị D có quan điểm muốn giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh năm 2006 và cháu Nguyễn Việt H, sinh năm 2007 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc L, sinh năm 2019 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Qúa trình xác minh tại địa phương thể hiện: Chị D và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/4/2006; cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 03/8/2007 và cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 08/12/2019. Khi ly hôn theo đại diện của chính quyền địa phương thì nên giao cháu T và cháu H cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu L cho chị D nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế. Bản thân cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Việt H cũng đều thể hiện nguyện vọng muốn được ở cùng anh T. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/4/2006 và cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 03/8/2007 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị D và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Nguyễn Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/4/2006 và cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 03/8/2007 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 08/12/2019 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001933 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Ngọc T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh